

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

351.  
CÔNG  
TNI  
ĐOÁN  
4 VII  
T.P

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Tuyên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Bùi Trung Đường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Đặng Quốc Chính	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quang Thanh Liêm	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Nguyễn Lê Võ Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Nam Hải	Trưởng ban
Ông Trần Quang Thắng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Nguyễn Võ Lê Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Quang Thanh Liêm	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Phạm Văn Tuyên	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)
Ông Phạm Tuấn Sơn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đại diện và đại diện cho Ban Giám đốc, *mlr*



Lê Quang Thanh Liêm

Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2021



Số: 457/2021/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

*(Xem trang tiếp theo)*

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận vào chi phí năm 2020 tiền thuê đất tại:

- Khu vực trưng bày lễ hội thuộc Vườn hoa TP. Đà Lạt cho giai đoạn 2008-2019 theo Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng với số tiền là 12.082.881.900 VND;
- Bãi rác Cam Ly, Phường 5, TP. Đà Lạt cho giai đoạn từ ngày 05/06/2015 đến ngày 31/12/2020 theo Thông báo số 2790/TB-CT ngày 30/09/2020 của Cục thuế Lâm Đồng với số tiền là 2.350.910.553 VND.

Với các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu các khoản chi phí trên được ghi nhận thì sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục sau trên báo cáo tài chính:

- Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020: Khoản mục "Giá vốn hàng bán" sẽ tăng thêm 14.433.792.433 VND, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế TNDN" sẽ giảm đi 14.433.792.433 VND, khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu" sẽ giảm đi 2.577 VND/cổ phiếu;
- Trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020: Khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" sẽ tăng lên 14.433.792.433 VND và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này" sẽ giảm đi 14.433.792.433 VND.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021

**Trịnh Thanh Thanh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2820-2020-026-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>70.919.904.411</b>	<b>82.341.072.187</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>32.255.621.192</b>	<b>25.732.713.348</b>
1. Tiền	111		3.608.021.192	8.732.713.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.647.600.000	17.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>28.080.000.000</b>	<b>46.132.930.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	28.080.000.000	46.132.930.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.192.320.637</b>	<b>5.078.061.566</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	4.628.439.474	3.342.846.104
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.735.437.651	1.934.277.674
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.492.265.179	1.464.759.455
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.663.821.667)	(1.663.821.667)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.391.962.582</b>	<b>5.392.645.693</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	4.391.962.582	5.392.645.693
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>4.721.580</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	4.721.580
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.736.803.471</b>	<b>40.347.483.744</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.502.596.837</b>	<b>31.106.977.523</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	32.317.463.509	30.964.477.528
Nguyên giá	222		71.532.790.580	64.076.170.111
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.215.327.071)	(33.111.692.583)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	185.133.328	142.499.995
Nguyên giá	228		351.000.000	241.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(165.866.672)	(98.500.005)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>725.284.791</b>	<b>5.456.217.333</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	725.284.791	5.456.217.333
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>608.015.024</b>	<b>608.015.024</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.388.342.240	1.388.342.240
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(780.327.216)	(780.327.216)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>900.906.819</b>	<b>3.176.273.864</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	744.841.376	2.695.832.121
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		156.065.443	480.441.743
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>105.656.707.882</b>	<b>122.688.555.931</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.093.407.805</b>	<b>43.115.965.997</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.636.371.443</b>	<b>42.990.480.765</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	10.753.171.859	19.682.766.284
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	2.550.817.869	3.213.051.625
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	5.195.414.215	5.953.676.942
4. Phải trả người lao động	314	4.15	4.796.676.215	9.746.265.017
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	14.759.091	14.759.091
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	1.854.265.360	1.756.242.790
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		46.435.925	34.219.612
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.18	3.424.830.909	2.589.499.404
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>457.036.362</b>	<b>125.485.232</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.16	59.036.362	77.485.232
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	398.000.000	48.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.563.300.077</b>	<b>79.572.589.934</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.19	<b>76.549.333.101</b>	<b>79.691.954.476</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.143.000.000	56.143.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.143.000.000	56.143.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(131.000.000)	(131.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.183.544.774	7.801.825.415
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.353.788.327	15.878.129.061
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		238.623.890	324.858.231
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.115.164.437	15.553.270.830
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>13.966.976</b>	<b>(119.364.542)</b>
1. Nguồn kinh phí	431		366.976	(132.964.542)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		13.600.000	13.600.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>105.656.707.882</b>	<b>122.688.555.931</b>



Phê duyệt

Lê Quang Thanh Liêm  
Giám đốc  
Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập

Đặng Quỳnh Như  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		120.523.336.459	132.700.119.572
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		137.090.181	592.965.266
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	120.386.246.278	132.107.154.306
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	99.540.833.094	102.782.370.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.845.413.184	29.324.783.797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.847.654.615	3.275.087.144
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	11.606.698.132	12.522.297.691
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.086.369.667	20.077.573.250
9. Thu nhập khác	31		82.122.947	115.398.096
10. Chi phí khác	32		200.164.479	378.920.034
11. Lợi nhuận khác	40		(118.041.532)	(263.521.938)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.968.328.135	19.814.051.312
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	1.528.787.398	4.585.156.782
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		324.376.300	(324.376.300)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.115.164.437	15.553.270.830
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.3	1.806	2.209
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.4	1.806	2.209



Phê duyệt

Người lập

Lê Quang Thanh Liêm  
Giám đốc

Đặng Quỳnh Như  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.968.328.135	19.814.051.312
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.5	6.171.001.155	5.418.370.156
Các khoản dự phòng	03	5.5	12.216.313	10.757.328
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.847.654.615)	(3.302.807.144)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.303.890.988	21.940.371.652
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.352.446.881)	(1.237.345.978)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.000.683.111	(2.267.468.210)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(13.481.392.191)	15.591.971.659
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.950.990.745	(756.725.380)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(2.917.501.217)	(4.397.253.351)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		535.816.000	511.564.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.742.778.789)	(3.507.864.189)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.702.738.234)</b>	<b>25.877.250.203</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.835.687.927)	(6.535.690.643)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(74.748.000.000)	(91.717.930.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		92.800.930.000	84.140.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.090.564.005	3.099.342.201
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>18.307.806.078</b>	<b>(11.014.278.442)</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(60.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.19.5	(10.082.160.000)	(9.532.240.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.082.160.000)</b>	<b>(9.592.240.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>6.522.907.844</b>	<b>5.270.731.761</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.732.713.348	20.461.981.587
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>32.255.621.192</b>	<b>25.732.713.348</b>



Phê duyệt

**Lê Quang Thanh Liêm**  
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2021

Người lập

**Đặng Quỳnh Như**  
Kế toán trưởng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Đô thị Thành phố Đà Lạt, doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được thành lập theo:

- Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng;
- Ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt theo Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 30 tháng 03 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800075878 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 01 năm 2021 để thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 864/QĐ-SGDHN chấp thuận cho Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán là DUS.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 56.143.000.000 VND, chi tiết như sau:

<b>Nhà đầu tư</b>	<b>Tại ngày 31/12/2020</b>		<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	
	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Giá trị (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Nhà nước	41.426.000.000	73,79%	41.426.000.000	73,79%
Công ty Cổ phần				
Du lịch Lâm Đồng	8.250.000.000	14,69%	8.250.000.000	14,69%
Cổ đông khác	6.467.000.000	11,52%	6.467.000.000	11,52%
<b>Cộng</b>	<b>56.143.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>56.143.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 383 (31/12/2019: 415).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ công ích.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt, rác thải y tế;
- Quản lý, bảo vệ và vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng đô thị;
- Quản lý, bảo vệ chăm sóc cây hoa, cây xanh công viên;
- Duy tu, sửa chữa nâng cấp đường đô thị;
- Quản lý, bảo vệ hạ tầng kỹ thuật đô thị;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Quản lý nghĩa trang và dịch vụ tang lễ;
- Các dịch vụ kinh doanh về vệ sinh môi trường, trồng chăm sóc, kinh doanh hoa, cây cảnh, cây xanh đường phố, công viên;
- Khảo sát, tư vấn, thiết kế và thi công công trình dân dụng, giao thông, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, công viên cây xanh. Kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Giám sát thi công, quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, cho thuê mặt bằng kinh doanh, bãi giữ xe;
- Tổ chức sự kiện.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

***Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty liên doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 05 - 40 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 năm      |
| ▪ Khác                           | 05 năm      |

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (05 năm).

**3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí sửa chữa, chỉnh trang vườn hoa,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.11. Quỹ lương**

Quỹ lương năm 2020 được trích lập theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

**3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**3.17. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- |   |                 |
|---|-----------------|
| ▪ Dịch vụ tang lễ; chăm sóc cây hoa, cây xanh công viên; chiếu sáng công cộng   | Không chịu thuế |
| ▪ Thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt, rác thải y tế; dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, cho thuê mặt bằng kinh doanh; đầu tư xây dựng cơ bản và các dịch vụ khác | 10%             |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.20. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.21. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	73.020.136	82.105.223
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.535.001.056	8.650.608.125
Các khoản tương đương tiền (*)	28.647.600.000	17.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.255.621.192</b>	<b>25.732.713.348</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 3,0%/năm đến 3,3%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐỒ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	28.080.000.000	28.080.000.000	46.132.930.000	46.132.930.000

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc hàng năm với lãi suất từ 3,3%/năm đến 3,7%/năm.

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trung tâm vui chơi giải trí Đà Lạt	1.388.342.240	(*) (780.327.216)	1.388.342.240	(*) (780.327.216)

Đầu tư vào công ty liên doanh là khoản đầu tư góp vốn vào Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt với tỷ lệ vốn góp là 20%. Ngày 01 tháng 10 năm 2013, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 1964/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động của Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt. Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty và bên đầu tư đang thực hiện các thủ tục thanh lý dự án đầu tư và giải thể Khu vui chơi, giải trí Đà Lạt.

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐỒ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng	1.561.682.251	496.568.275
Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	542.925.000	42.000.000
Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng	68.744.000	441.180.000
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng	-	447.288.000
Các khách hàng khác	2.455.088.223	1.915.809.829
<b>Cộng</b>	<b>4.628.439.474</b>	<b>3.342.846.104</b>

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Dịch vụ Ngọc Nguyên Anh	688.875.900	19.750.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoa viên Cây cảnh Lâm Đồng	236.575.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	-	1.042.196.850
Trả trước cho người bán khác	809.986.751	872.330.824
<b>Cộng</b>	<b>1.735.437.651</b>	<b>1.934.277.674</b>

Tại ngày 31/12/2020, trả trước các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước các nhà cung cấp ngắn hạn.

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ bên liên quan - Xem thêm mục 7	23.826.000	-	23.826.000	-
Phải thu người lao động	1.108.439.326	297.499.826	708.387.542	297.499.826
Dự thu lãi tiền gửi	320.637.513	-	563.546.903	-
Phải thu khác	39.362.340	32.227.916	168.999.010	32.227.916
<b>Cộng</b>	<b>1.492.265.179</b>	<b>329.727.742</b>	<b>1.464.759.455</b>	<b>329.727.742</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.233.819.843	-	1.233.819.843	-
Tổng giá trị các khoản ứng trước quá hạn thanh toán	430.001.824	-	430.001.824	-
<b>Cộng</b>	<b>1.663.821.667</b>	<b>-</b>	<b>1.663.821.667</b>	<b>-</b>

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu và các khoản ứng trước cho người bán quá hạn là thấp vì những khoản nợ này là của các đối tượng đã quá hạn thanh toán trên 10 năm.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, các khoản ứng trước quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Khai thác Chế biến Lâm sản Ông Tôn	170.573.500	-	Trên 10 năm	170.573.500	-	Trên 10 năm
Thất Chiến	125.142.044	-	Trên 10 năm	125.142.044	-	Trên 10 năm
Công ty Hùng Vương	112.107.451	-	Trên 10 năm	112.107.451	-	Trên 10 năm
Các đối tượng khác	1.255.998.672	-	Trên 10 năm	1.255.998.672	-	Trên 10 năm
<b>Cộng</b>	<b>1.663.821.667</b>	<b>-</b>		<b>1.663.821.667</b>	<b>-</b>	

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.743.292.291	-	2.252.026.057	-
Công cụ, dụng cụ	1.159.332.009	-	369.722.023	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	478.378.441	-	2.759.937.772	-
Thành phẩm	10.959.841	-	10.959.841	-
<b>Cộng</b>	<b>4.391.962.582</b>	<b>-</b>	<b>5.392.645.693</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐỒ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	21.317.600.595	12.970.538.425	28.711.836.819	207.273.000	868.921.272	64.076.170.111
Mua trong năm	-	90.927.000	4.271.436.364	-	-	4.362.363.364
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.094.257.105	-	-	-	-	3.094.257.105
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>24.411.857.700</b>	<b>13.061.465.425</b>	<b>32.983.273.183</b>	<b>207.273.000</b>	<b>868.921.272</b>	<b>71.532.790.580</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	8.326.488.624	5.630.016.575	18.393.163.068	81.759.324	680.264.992	33.111.692.583
Khấu hao trong năm	2.491.489.342	1.112.657.166	2.316.216.411	34.600.148	148.671.421	6.103.634.488
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>10.817.977.966</b>	<b>6.742.673.741</b>	<b>20.709.379.479</b>	<b>116.359.472</b>	<b>828.936.413</b>	<b>39.215.327.071</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	12.991.111.971	7.340.521.850	10.318.673.751	125.513.676	188.656.280	30.964.477.528
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>13.593.879.734</b>	<b>6.318.791.684</b>	<b>12.273.893.704</b>	<b>90.913.528</b>	<b>39.984.859</b>	<b>32.317.463.509</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.106.505.143 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2020	241.000.000
Mua trong năm	110.000.000
	<hr/>
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>351.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2020	98.500.005
Khấu hao trong năm	67.366.667
	<hr/>
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>165.866.672</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2020	142.499.995
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>185.133.328</b>

**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công trình vườn ươm Cam Ly - Phường 5	520.511.650	520.511.650
Công trình vườn ươm Phước Thành - Phường 7	204.773.141	183.994.609
Xe ép rác	-	4.271.436.364
Khác	-	480.274.710
	<hr/>	<hr/>
<b>Cộng</b>	<b>725.284.791</b>	<b>5.456.217.333</b>

**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí sửa chữa, chỉnh trang	561.047.876	1.565.807.425
Thùng rác công cộng	-	1.011.272.727
Khác	183.793.500	118.751.969
	<hr/>	<hr/>
<b>Cộng</b>	<b>744.841.376</b>	<b>2.695.832.121</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Điện lực Đà Lạt	1.712.488.014	1.712.488.014	-	-
Cửa hàng vật tư nông nghiệp Ngọc Hiệp	953.319.200	953.319.200	1.042.406.300	1.042.406.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Tuổi trẻ	878.324.000	878.324.000	737.724.000	737.724.000
Công ty TNHH Phương Hoàng Mai	197.780.748	197.780.748	2.671.304.951	2.671.304.951
Công ty TNHH Thông Nữ	673.138.200	673.138.200	2.167.798.000	2.167.798.000
Công ty TNHH Mai Thanh Tân	452.150.933	452.150.933	1.391.372.883	1.391.372.883
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	-	-	3.360.500.000	3.360.500.000
Phải trả cho các đối tượng khác	5.885.970.764	5.885.970.764	8.311.660.150	8.311.660.150
<b>Cộng</b>	<b>10.753.171.859</b>	<b>10.753.171.859</b>	<b>19.682.766.284</b>	<b>19.682.766.284</b>

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
	Phòng Tài chính Kế hoạch Đà Lạt	2.497.474.897
Các khách hàng khác	53.342.972	299.027.263
<b>Cộng</b>	<b>2.550.817.869</b>	<b>3.213.051.625</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	2.197.681.862	8.174.798.135	10.416.668.149	4.439.551.876
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.997.199	1.528.787.398	2.917.501.217	1.436.711.018
Thuế thu nhập cá nhân	2.851.200	237.415.848	234.564.648	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.869.469.912	7.872.046.315	5.002.576.409	6
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	77.414.042	-	-	77.414.042
<b>Cộng</b>	<b>5.195.414.215</b>	<b>17.817.047.696</b>	<b>18.575.310.423</b>	<b>5.953.676.942</b>

Trong năm 2020, Công ty đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng về việc xác định truy thu tiền thuê đất phải nộp đối với Khu vực trung bày lễ hội tại thuộc Vườn hoa TP. Đà Lạt cho giai đoạn 2008-2020.
- Thông báo số 2790/TB-CT ngày 30/09/2020 của Cục thuế Lâm Đồng về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước năm 2020. Theo đó, Công ty phải nộp bổ sung tiền thuê đất tại Bãi rác Cam Ly, Phường 5, TP. Đà Lạt cho giai đoạn từ ngày 05/06/2015 đến ngày 31/12/2020.
- Công văn số 8793/UBND-ĐC ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm đồng về việc Công ty đề nghị miễn giảm tiền thuê đất tại Bãi rác Cam Ly. Theo đó, Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng giao Cục thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, xử lý đề nghị miễn giảm trên của Công ty.

**4.15. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương năm 2020 còn phải trả cho người lao động.

**4.16. Doanh thu chưa thực hiện**

Là khoản tiền nhận trước về cho thuê mặt bằng kinh doanh dịch vụ tại vườn hoa thành phố với thời hạn cho thuê là 20 năm.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.17. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả khác cho bên liên quan - Xem thêm mục 7	809.957.845	809.957.845
Nhận ký quỹ, ký cược	86.200.000	459.700.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	958.107.515	486.584.945
<b>Cộng</b>	<b><u>1.854.265.360</u></b>	<b><u>1.756.242.790</u></b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	398.000.000	48.000.000

**4.18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	2.589.499.404	2.860.237.237
Trích lập trong năm	3.175.625.812	2.648.175.644
Tăng khác	535.816.000	511.564.000
Sử dụng trong năm	(2.876.110.307)	(3.430.477.477)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>3.424.830.909</u></b>	<b><u>2.589.499.404</u></b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÓ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2019	56.143.000.000	(71.000.000)	5.595.012.377	14.712.086.913		76.379.099.290
Lãi trong năm trước	-	-	-	15.553.270.830		15.553.270.830
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.206.813.038	(2.206.813.038)		-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.059.692.168)		(2.059.692.168)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(588.483.476)		(588.483.476)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.532.240.000)		(9.532.240.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(60.000.000)	-	-		(60.000.000)
Tại ngày 01/01/2020	56.143.000.000	(131.000.000)	7.801.825.415	15.878.129.061		79.691.954.476
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.115.164.437		10.115.164.437
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.381.719.359	(2.381.719.359)		-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.381.719.359)		(2.381.719.359)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(793.906.453)		(793.906.453)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.082.160.000)		(10.082.160.000)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>56.143.000.000</b>	<b>(131.000.000)</b>	<b>10.183.544.774</b>	<b>10.353.788.327</b>		<b>76.549.333.101</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.19.2. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.614.300	5.614.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.614.300	5.614.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(13.100)	(13.100)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.601.200	5.604.093

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.19.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.115.164.437	15.553.270.830
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.175.625.812)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.115.164.437	12.377.645.018
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.601.200	5.604.093
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.806</b>	<b>2.209</b>

(\*) Đến ngày báo cáo tài chính này, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020.

**4.19.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.115.164.437	15.553.270.830
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.175.625.812)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.115.164.436	12.377.645.018
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.601.200	5.604.093
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.601.200	5.604.093
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.806</b>	<b>2.209</b>

(\*) Đến ngày báo cáo tài chính này, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2020.

**4.19.5. Cổ tức**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	10.082.160.000	9.532.240.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020, cổ tức năm 2019 được chia với tỷ lệ 18% vốn điều lệ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu dịch vụ công ích Vệ sinh môi trường	35.872.727.272	35.200.508.182
Doanh thu dịch vụ công ích Chăm sóc hoa, cây xanh đường phố	23.170.000.000	20.500.000.000
Doanh thu dịch vụ công ích Duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ	4.727.465.510	6.576.849.092
Doanh thu dịch vụ công ích Quản lý, bảo trì, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng	2.888.140.000	3.006.391.000
Doanh thu kinh doanh vườn hoa thành phố	18.600.704.540	37.050.059.084
Doanh thu khác	35.264.299.137	30.366.312.214
Các khoản giảm trừ doanh thu	(137.090.181)	(592.965.266)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>120.386.246.278</b>	<b>132.107.154.306</b>

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn dịch vụ công ích Vệ sinh môi trường	25.859.724.210	27.145.083.527
Giá vốn dịch vụ công ích Chăm sóc hoa, cây xanh đường phố	14.903.051.492	15.276.490.610
Giá vốn dịch vụ công ích Duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông đường bộ	4.976.333.554	5.392.585.742
Giá vốn dịch vụ công ích Quản lý, bảo trì, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng	2.255.942.800	2.444.206.356
Giá vốn kinh doanh vườn hoa thành phố	24.437.925.019	30.303.664.801
Giá vốn khác	27.107.856.019	22.220.339.473
<b>Cộng</b>	<b>99.540.833.094</b>	<b>102.782.370.509</b>

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm.

**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.831.673.903	8.289.405.793
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	426.164.986	414.864.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	843.483.967	552.639.741
Chi phí bằng tiền khác	2.495.375.276	3.265.387.353
<b>Cộng</b>	<b>11.606.698.132</b>	<b>12.522.297.691</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐỒ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.540.134.885	25.905.581.189
Chi phí nhân công	48.825.742.567	57.349.580.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.171.001.155	5.418.370.156
Chi phí dự phòng	12.216.313	10.757.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.553.283.159	6.348.071.687
Chi phí khác bằng tiền	25.763.593.816	22.575.950.483
<b>Cộng</b>	<b>108.865.971.895</b>	<b>117.608.310.967</b>

**5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.528.787.398	4.450.543.495
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	134.613.287
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.528.787.398</b>	<b>4.585.156.782</b>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	11.968.328.135	19.814.051.312
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	573.463.356	2.438.666.163
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.621.881.500)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	10.919.909.991	22.252.717.475
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	2.183.981.998	4.450.543.495
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(655.194.600)	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.528.787.398</b>	<b>4.450.543.495</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí, thu nhập khi tính thuế.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐỒ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực dịch vụ công ích;
- Lĩnh vực dịch vụ vườn hoa thành phố;
- Các lĩnh vực khác.

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:**

	<u>Lĩnh vực dịch vụ công ích</u>		<u>Lĩnh vực dịch vụ vườn hoa thành phố</u>		<u>Các lĩnh vực khác</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
Doanh thu thuần	66.658	65.284	18.601	37.050	35.127	29.773	120.386	132.107
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>								
Kết quả của bộ phận	18.663	15.025	(5.837)	9.191	8.019	5.109	20.845	29.325
Chi phí không phân bổ							(11.607)	(12.522)
Thu nhập tài chính							2.848	3.275
Lợi nhuận khác							(118)	(264)
Lợi nhuận trước thuế							11.968	19.814
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(1.853)	(4.261)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>10.115</b>	<b>15.553</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐỒ THỊ ĐÀ LẠT**

Địa chỉ: Số 08, Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Các thông tin khác**

<u>ĐVT: triệu đồng</u>		
<u>Lĩnh vực dịch vụ công ích</u>	<u>Tổng công</u>	
	Tại ngày 31/12/2020	
	Tại ngày 01/01/2020	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

Tài sản không phân bổ

105.657 122.689

Nợ phải trả không phân bổ

29.093 43.116

Lĩnh vực dịch vụ công ích

Lĩnh vực dịch vụ vườn hoa thành phố

Các lĩnh vực khác

Tổng công  
Năm 2020 Năm 2019

Chi phí mua sắm tài sản  
Chi phí khấu hao

(2.8360 (6.5360  
6.171 5.418

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Lâm Đồng, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |                                       |                          |
|---------------------------------------|--------------------------|
| 1. Trung tâm vui chơi Giải trí Đà Lạt | Công ty liên doanh       |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 31/12/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Phải thu khác - Xem thêm mục 4.5:		
Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt	23.826.000	23.826.000
Phải trả khác - Xem thêm mục 4.17:		
Trung tâm Vui chơi Giải trí Đà Lạt	809.957.845	809.957.845

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Ông Phạm Văn Tuyên	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)	319.447.833	357.422.703
Ông Bùi Trung Đường	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2020)	340.645.323	372.579.293
Ông Đặng Quốc Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	21.600.000	36.000.000
Ông Lê Quang Thanh Liêm	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	288.237.233	323.970.548
Ông Phạm Tuấn Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	288.465.312	322.213.000
Bà Đặng Quỳnh Như	Kế toán trưởng	245.151.487	258.635.416
<b>Cộng</b>		<b><u>1.503.547.188</u></b>	<b><u>1.670.820.960</u></b>

**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Thù lao và các chi phí hoạt động	100.320.000	100.320.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<b>Năm 2019 VND (Được báo cáo lại)</b>	<b>Năm 2019 VND (Đã được báo cáo trước đây)</b>
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.209	2.775

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2019 được báo cáo lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020.

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 31/12/2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngày 20/01/2021, Cục thuế Lâm Đồng ban hành Công văn số 156/CT-TTKT2 về việc hướng dẫn hạch toán truy thu tiền thuê đất từ năm 2008-2020 như sau:

- Truy thu tiền thuê đất phải nộp năm 2020: hạch toán chi phí năm 2020;
- Truy thu tiền thuê đất phải nộp từ năm 2008-2019: phân bổ cho từng kỳ tính thuế trong thời gian thuê đất còn lại kể từ năm 2021 và được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN.

Ngày 26/01/2021, Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng ban hành Công văn số 605/UBND-DC về việc tính toán truy thu tiền thuê đất đối với Khu vực trưng bày lễ hội tại thuộc Vườn hoa TP. Đà Lạt. Theo đó, Công ty được giãn thời gian hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước đối với số tiền truy thu cho giai đoạn 2008-2019 đến năm 2023.

Ngày 09/02/2021, Công ty đã gửi Công văn số 46/CTDVĐTĐL đến Cục thuế Tỉnh Lâm Đồng về việc xem xét miễn giảm tiền thuê đất tại Bãi rác Cam Ly, Phường 5, TP. Đà Lạt theo hướng dẫn tại Công văn số 8793/UBND-ĐC ngày 29/10/2020 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phê duyệt

Người lập

**Lê Quang Thanh Liêm**  
Giám đốc

**Đặng Quỳnh Như**  
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 03 năm 2021